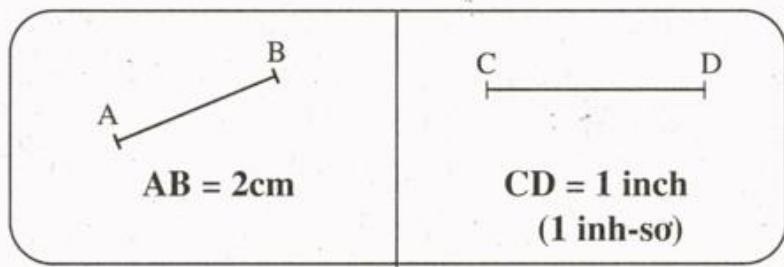


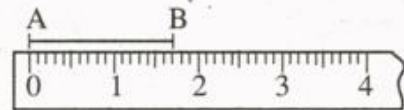
## §7. Độ dài đoạn thẳng



### 1. Đo đoạn thẳng

Để đo độ dài đoạn thẳng AB người ta dùng thước có chia khoảng mm (thước đo độ dài) và làm như sau :

Đặt cạnh của thước đi qua hai điểm A và B sao cho điểm A trùng với vạch số 0 và giả sử điểm B trùng với vạch 17 (mm) (h.39).



Ta nói độ dài đoạn thẳng AB bằng 17mm và kí hiệu  $AB = 17\text{mm}$ , hoặc  $BA = 17\text{mm}$ .

Hình 39

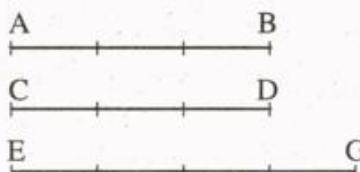
Nhận xét :

**Mỗi đoạn thẳng có một độ dài. Độ dài đoạn thẳng là một số lớn hơn 0.**

Ta còn nói *khoảng cách* giữa hai điểm A và B bằng 17mm (hoặc A cách B một khoảng bằng 17mm).

Khi hai điểm A và B trùng nhau, ta nói khoảng cách giữa hai điểm A và B bằng 0.

### 2. So sánh hai đoạn thẳng



Hình 40

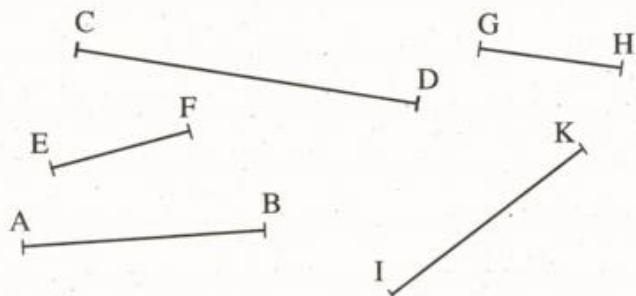
Ta có thể so sánh hai đoạn thẳng bằng cách so sánh độ dài của chúng.

Giả sử ta có :  $AB = 3\text{cm}$ ,  $CD = 3\text{cm}$ ,  $EG = 4\text{cm}$  (h.40).

Ta nói :

- Hai đoạn thẳng AB và CD *bằng nhau* hay *cùng độ dài* và kí hiệu  $AB = CD$ .
- Đoạn thẳng EG *dài hơn* (*lớn hơn*) đoạn thẳng CD và kí hiệu  $EG > CD$ .
- Đoạn thẳng AB *ngắn hơn* (*nhỏ hơn*) đoạn thẳng EG và kí hiệu  $AB < EG$ .

**?1** Cho các đoạn thẳng trong hình 41.

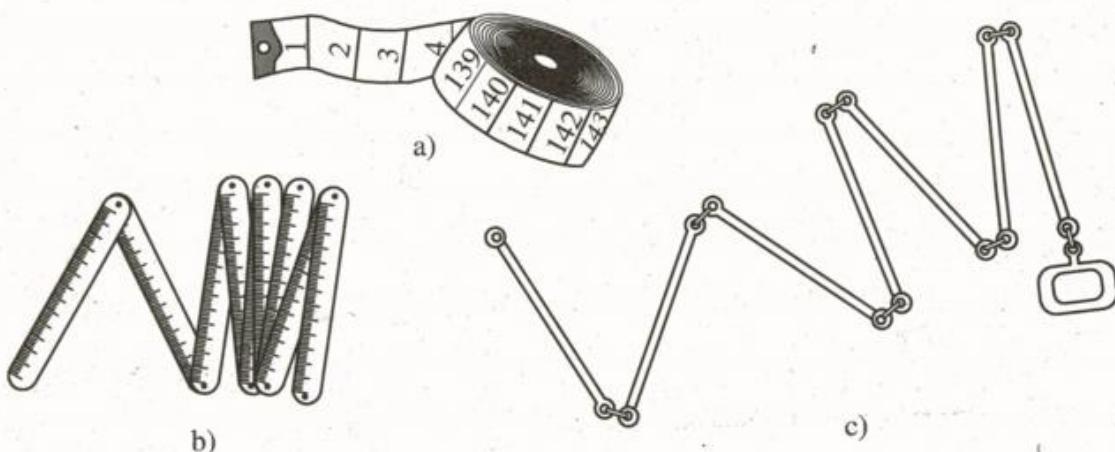


Hình 41

a) Hãy đo và chỉ ra các đoạn thẳng có cùng độ dài rồi đánh dấu giống nhau cho các đoạn thẳng bằng nhau.

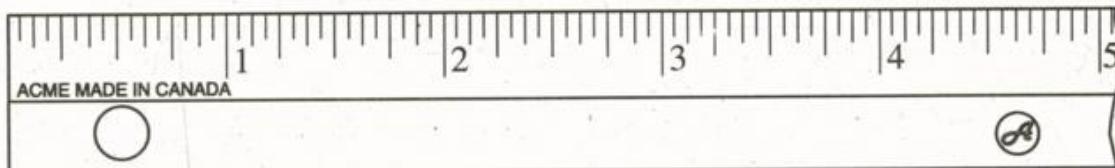
b) So sánh hai đoạn thẳng EF và CD.

**?2** Sau đây là một số dụng cụ đo độ dài (hình 42a, b, c). Hãy nhận dạng các dụng cụ đó theo tên gọi của chúng : thước gấp, thước xích, thước dây.



Hình 42

**?3** Hình 43 là thước đo độ dài mà học sinh châu Mỹ thường dùng. Đơn vị độ dài là inch-sơ (inch). Hãy kiểm tra xem 1 inch-sơ bằng khoảng bao nhiêu milimét.



Hình 43

## Bài tập

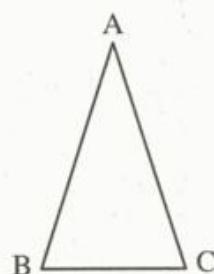
40. Đo độ dài một số dụng cụ học tập (bút chì, thước kẻ, hộp bút, ...)

41. Đo kích thước của nền nhà lớp học (hoặc bảng, hoặc bàn giáo viên, ...) rồi điền vào chỗ trống :

Chiều dài : .....

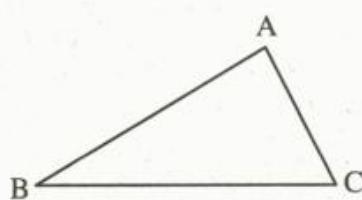
Chiều rộng : .....

42. So sánh hai đoạn thẳng AB và AC trong hình 44 rồi đánh dấu giống nhau cho các đoạn thẳng bằng nhau.

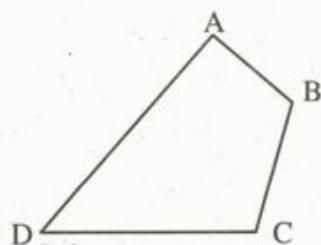


Hình 44

43. Sắp xếp độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CA trong hình 45 theo thứ tự tăng dần.



Hình 45

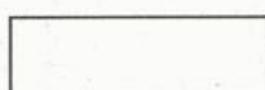


Hình 46

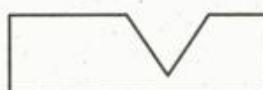
44. a) Sắp xếp độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD, DA trong hình 46 theo thứ tự giảm dần.

b) Tính chu vi hình ABCD (tức là tính  $AB + BC + CD + DA$ ).

45. *Đố:* Nhìn hình 47a, b, đoán xem hình nào có chu vi lớn hơn ? Hãy đo để kiểm tra dự đoán.



a)



b)

Hình 47